

BÁO CÁO

Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nhiệm kỳ 2020-2025

I. Khái quát đặc điểm, tình hình

Huyện Đam Rông nằm ở phía Tây bắc của tỉnh Lâm Đồng, diện tích tự nhiên là 87.210 ha, huyện có 08 đơn vị hành chính cấp xã, 53 thôn; dân số 63.895 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 63,61%. Toàn Đảng bộ có 34 tổ chức cơ sở đảng, gồm 10 đảng bộ cơ sở (*124 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở*) và 24 chi bộ cơ sở; có 1.862 đảng viên, trong đó: đảng viên nữ 712 chiếm 38,23%, đảng viên là người dân tộc thiểu số 710 đồng chí, chiếm 38,13%; đảng viên là người có đạo 559 đồng chí, chiếm 30,02%. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện hiện có 32 đồng chí (*khuyết 07 đồng chí so với đầu nhiệm kỳ*), Ban Thường vụ Huyện ủy có 11 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy hiện có 07 đồng chí (*chủ nhiệm, 02 phó chủ nhiệm, 02 ủy viên chuyên trách, 02 ủy viên kiêm chức*). Qua kết quả đánh giá, phân loại hằng năm, nhìn chung chất lượng tổ chức đảng, đảng viên ngày càng được nâng lên.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp từ huyện đến cơ sở và các tổ chức đảng trong Đảng bộ đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện tương đối toàn diện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát do Điều lệ Đảng quy định, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát đối với các lĩnh vực, địa bàn nhạy cảm, dễ xảy ra sai phạm, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật, nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ.

Tuy nhiên, xuất phát điểm, tiềm lực kinh tế - xã hội của địa phương nhìn chung còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh; trình độ, nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đồng đều; vai trò, trách nhiệm của một số tổ chức cơ sở đảng trong công tác kiểm tra, giám sát có lúc, có nơi chưa phát huy đầy đủ. Một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, về những điều đảng viên không được làm, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao,... nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng bộ huyện.

II. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, hướng dẫn thực hiện

- *Nhận thức của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; việc kiểm soát tài sản, thu nhập:*

Nhận thức của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; việc kiểm soát tài sản, thu nhập ngày càng được nâng lên; qua đó, tích cực, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- *Việc nghiên cứu, quán triệt, tổ chức và thực hiện Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và việc kiểm soát tài sản, thu nhập:*

Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng¹, các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy, các đồng chí huyện ủy viên tiếp

¹ Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa””; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về những điều đảng viên không được làm”; triển khai, thực hiện Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương “Về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng”; Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương “Về thi hành Điều lệ Đảng”, Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 09/12/2021 của Ban Bí thư về thực hiện nội dung Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương “Về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng”; Quy định 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị “Về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm”; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở; Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 09/12/2021 của Ban Bí thư về thực hiện nội dung Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương “Về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng”; Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Quy định số 1300-QĐ/TU, ngày 04/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về ban hành quy trình công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đảng viên của chi bộ trong Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW, ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; Chỉ thị 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản”; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật phòng chống tham nhũng; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Hướng dẫn 10-HD/UBKTTW, ngày 16/12/2024 về Hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra tại đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/UBKTTU, ngày 26/11/2024 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về Hướng dẫn quy trình nhân sự Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện, cấp xã và tương đương nhiệm kỳ 2025-2030; Công văn Số 3569 - CV/TU ngày 22/2/2024 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kê khai tài sản,

tục nghiên cứu, quán triệt đến đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện; chỉ đạo Trung tâm chính trị huyện mở được 20 lớp bồi dưỡng, tập huấn, quán triệt các quy định của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng cho 1.347 lượt cán bộ, đảng viên cấp cơ sở.

- *Việc tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện:*

Ngay sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã kịp thời ban hành các Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025². Đồng thời, xây dựng, ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng³; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Huyện ủy ban hành quy chế làm việc của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp mình để lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Đảng bộ.

Huyện ủy đã ban hành Chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa⁴; trên cơ sở đó, hằng năm Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chương trình công tác kiểm tra, giám sát để tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát⁵; lãnh đạo, chỉ đạo các Ban, Văn phòng Huyện ủy xây dựng và thực hiện chương trình công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng.

Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ động, tích cực phối hợp với các ngành chức năng theo quy chế phối hợp về những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, nhất là kịp thời thông tin những nội dung có liên

thu nhập; Công văn Số 1495 - CV/UBKTTU ngày 21/11/2024 của Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy Lâm Đồng về việc thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập;...

² Quy chế số 01-QC/HU, ngày 07/9/2020 Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quy chế số 03-QC/HU, ngày 28/4/2021 Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (*điều chỉnh, bổ sung*); Quy chế số 02-QC/HU, ngày 08/9/2020 Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Đam Rông khóa IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

³ Quy định số 1477-QĐ/HU, ngày 16/4/2024 về công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị gửi đến Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy, Kế hoạch số 86-KH/HU, ngày 16/02/2023 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 trên địa bàn huyện; Quy định số 05-QĐ/HU, ngày 25/4/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Quyết định số 1044-QĐ/HU, ngày 25/5/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về ban hành Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy với Thanh tra huyện, Công an huyện, Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quy định Số 883 - QĐ/HU, ngày 03/8/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý, ... chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy ban hành Quy định số 86- QĐ/UBKTHU, ngày 06/11/2023 về việc tiếp nhận, xử lý đơn thư; tiếp đảng viên và công dân của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo khác.

⁴ Chương trình số 04-CTr/HU, ngày 10/9/2020 về công tác kiểm tra, giám sát của Huyện ủy khóa IV, nhiệm kỳ 2020-2025.

⁵ Chương trình số 88-CTr/HU, ngày 12/12/2019 Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2020; Chương trình số 10-CTr/HU, ngày 16/12/2020, Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2021; Chương trình số 29-CTr/HU, ngày 20/12/2021, Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2022; Chương trình số 57-CTr/HU, ngày 30/11/2022 Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2023; Chương trình số 78-CTr/HU, ngày 06/12/2023 Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2024; Chương trình số 100-CTr/HU, ngày 02/12/2024 Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2025.

quan nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo đảng viên, thi hành kỷ luật đảng viên.

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã chủ động tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai, thực hiện một số quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; tham mưu ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Đảng bộ huyện⁶; tham mưu xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát hằng năm cơ bản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát đã đề ra; xem xét, xử lý một số đơn thư theo thẩm quyền và xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy⁷.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Chương trình công tác kiểm tra, giám sát

Chấp hành nghiêm các Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã kịp thời ban hành các Kế hoạch thực hiện để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục, sửa chữa có hiệu quả các hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁸.

- Ban Thường vụ Huyện ủy luôn quan tâm chú trọng đến công tác sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Qua đó,

⁶ Quyết định ban hành quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; Kế hoạch số 48-KH/HU, ngày 06/4/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; Kế hoạch số 53-KH/HU, ngày 03/6/2022 về thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Kế hoạch số 58-KH/HU, ngày 11/8/2022 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp; Kế hoạch số 61-KH/HU, ngày 31/8/2022 về thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Thông báo Kết luận số 62-TB/UBKTTU, ngày 24/8/2022 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về kết quả giám sát đối với Ban Thường vụ Huyện ủy và một số cán bộ chủ chốt thuộc Đảng bộ huyện Đam Rông...

⁷ Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030” phục vụ Đoàn Kiểm tra số 634 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; báo cáo về việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản” phục vụ Đoàn giám sát số 32 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, báo cáo kết quả bước đầu khắc phục những khuyết điểm, vi phạm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản theo Thông báo Kết luận số 62-TB/UBKTTU, ngày 24/8/2022 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy...

⁸ Kế hoạch số 59-KH/HU, ngày 16/8/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Thông báo Kết luận số 317-TB/TU, ngày 26/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Thông báo kết luận kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy” và Kết luận kiểm tra đối với một số cán bộ chủ chốt thuộc Đảng bộ huyện Đam Rông; Kế hoạch số 214-KH/HU, ngày 07/2/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy về khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra tại Thông báo Kết luận số 1068-TB/TU, ngày 04/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

đánh giá đúng tình hình, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương của cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng⁹.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng

2.1. Kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên

a) Kết quả cấp ủy các cấp kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên theo Điều 30, Điều lệ Đảng:

Cấp ủy các cấp và chi bộ đã kiểm tra 286 lượt tổ chức đảng (tăng 42,29% so với nhiệm kỳ 2015-2020) và 1.313 lượt đảng viên (tăng 38,94% so với nhiệm kỳ 2015-2020). Trong đó: Ban Thường vụ Huyện ủy kiểm tra được 47 lượt tổ chức đảng và 31 lượt đảng viên; cấp ủy các cấp và chi bộ kiểm tra 228 lượt tổ chức đảng và 1.281 lượt đảng viên; các Ban tham mưu của Huyện ủy đã kiểm tra được 11 tổ chức đảng và 01 đảng viên¹⁰; có 176 lượt đảng viên là cấp ủy viên các cấp (chiếm 13,4% tổng số đảng viên được kiểm tra).

Nội dung kiểm tra đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng (183); việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước (18); việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng (30); việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên (07); việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp (02); công tác cán bộ (06);...

Nội dung kiểm tra đối với đảng viên: Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm (102); việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên (985); việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước (168); việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác (98); nội dung khác (45).

Qua kiểm tra có 21 tổ chức đảng và 31 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm nhưng chưa đến mức phải thi hành kỷ luật; 01 đảng viên có khuyết điểm vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, chi bộ đã thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

b) Kết quả cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm:

⁹ Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành sơ, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và công tác thi đua khen thưởng gắn với các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác xây dựng đảng của Đảng bộ (tổ chức hội nghị tổng kết hằng năm và sơ kết giữa nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng nhiệm kỳ 2020-2025).

¹⁰ Nhiệm kỳ trước các ban và Văn phòng Huyện ủy chưa thực hiện được nhiệm vụ này.

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 03 tổ chức đảng¹¹ (bằng với nhiệm kỳ 2015-2020). Qua kiểm tra kết luận, 03 tổ chức đảng có khuyết điểm, vi phạm; 02 tổ chức đảng đến mức phải xem xét thi hành kỷ luật, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã thi hành kỷ luật 01 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở với hình thức khiển trách, đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy thi hành kỷ luật 01 chi ủy chi bộ bằng hình thức cảnh cáo.

Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 09 đảng viên (giảm 40% so với nhiệm kỳ 2015-2020), trong đó Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kiểm tra 08 đảng viên (giảm 38,46% so với nhiệm kỳ 2015-2020). Nội dung kiểm tra: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên (09); việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước (09); kê khai tài sản, thu nhập (02). Qua kiểm tra kết luận, 06 đảng viên có vi phạm đến mức phải xem xét thi hành kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 06 đồng chí, đạt tỷ lệ 100%.

Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động triển khai toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, tăng cường công tác nắm bắt tình hình tổ chức đảng, đảng viên. Qua đó, đã kịp thời phát hiện, triển khai các cuộc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Việc kiểm tra đảm bảo dân chủ, khách quan, đúng nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng. Qua kiểm tra làm rõ, kết luận đúng ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên về các nội dung được kiểm tra; kịp thời xử lý hoặc đề nghị xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm.

c) Kết quả ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và kiểm tra tài chính đảng:

- Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với 130 tổ chức đảng (tăng 4,84% so với nhiệm kỳ 2015-2020). Trong đó, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kiểm tra đối với 19 tổ chức đảng. Qua kiểm tra kết luận: 14 tổ chức đảng chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; 14 tổ chức đảng chưa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; 01 tổ chức đảng chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của ủy ban kiểm tra.

- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kiểm tra 18 tổ chức đảng trong việc thi hành kỷ luật đảng đối với 09 đảng ủy, 03 ủy ban kiểm tra đảng ủy, 06 chi bộ (giảm 14,29% so với nhiệm kỳ 2015-2020); số đảng viên bị thi hành kỷ luật 69 đảng viên, cấp cơ sở quản lý 35 đảng viên, chi bộ quản lý 34 đảng viên; 100% tổ chức đảng làm tốt

¹¹ - Đảng ủy xã Đa K'Nang: Việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã và việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân thường trực xã.

- Chi bộ Trường Tiểu học Lương Thế Vinh: Việc lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện quy định của pháp luật về dạy thêm, học thêm; Việc lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện quy định về quản lý, sử dụng ngân sách.

- Chi ủy Chi bộ Hạt Kiểm lâm: Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp nhận, thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm.

công tác thi hành kỷ luật, việc thi hành kỷ luật đảng viên cơ bản kịp thời, đầy đủ nguyên tắc, thủ tục.

- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kiểm tra tài chính đảng đối với 16 tổ chức đảng (*giảm 30,43% so với nhiệm kỳ 2015-2020*); ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở kiểm tra 117 tổ chức đảng về thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí (*giảm 7,87% so với nhiệm kỳ 2015-2020*). Qua kiểm tra kết luận: Các tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính đảng cơ bản đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, góp phần vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy các cấp trong Đảng bộ; ủy ban kiểm tra các cấp đã yêu cầu 01 chi bộ nghiêm túc rút kinh nghiệm và khắc phục sửa chữa, đồng thời yêu cầu xuất toán, thu hồi số tiền 6.750.000 đồng; yêu cầu 03 tổ chức đảng truy thu số tiền đảng phí thu thiếu 954.000 đồng và xử lý số tiền thu thừa của đảng viên là 857.000 đồng.

2.2. Giám sát tổ chức đảng và đảng viên

a) Giám sát thường xuyên

Ban Thường vụ Huyện ủy, cấp ủy các cấp bằng nhiều hình thức, phương pháp phù hợp tiến hành giám sát thường xuyên đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý, cụ thể như: Thông qua các đồng chí ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra phụ trách địa bàn, lĩnh vực; qua hội nghị kiểm điểm, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên; công tác kiểm tra, nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng đảng và hệ thống chính trị tại một số địa phương, cơ quan, đơn vị; công tác giám sát của hội đồng nhân dân, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội,... Qua đó, nắm chắc tình hình tổ chức đảng, đảng viên để lãnh đạo, chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời.

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ động phân công thành viên ủy ban nắm tình hình địa bàn phụ trách; kịp thời phát hiện, đôn đốc, hướng dẫn cấp ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

b) Giám sát chuyên đề

Cấp ủy các cấp giám sát 137 lượt tổ chức đảng (*tăng 149,09% so với nhiệm kỳ 2015-2020*) và 104 lượt đảng viên (*tăng 31,65% so với nhiệm kỳ 2015-2020*). Trong đó: Ban Thường vụ Huyện ủy giám sát 31 tổ chức đảng và 28 đảng viên; đảng ủy giám sát 106 lượt chi bộ và 51 đảng viên; chi bộ giám sát 25 đảng viên; có 62 đảng viên là cấp ủy viên các cấp (*chiếm 59,61% tổng số đảng viên được giám sát*).

Nội dung giám sát đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng (126); việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng (45); việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của

đảng viên (12); việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp (02).

Nội dung giám sát đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên (104); việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước (36); việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác (42); nội dung khác (09).

Qua giám sát, chưa phát hiện tổ chức đảng và đảng viên có khuyết điểm, vi phạm đến mức phải chuyển sang kiểm tra khi dấu hiệu vi phạm; yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên được giám sát kịp thời sửa chữa, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm, vi phạm đã được chỉ ra.

Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát 67 tổ chức đảng (*tăng 36,73% so với nhiệm kỳ 2015-2020*) và 86 đảng viên (*tăng 100% so với nhiệm kỳ 2015-2020*). Trong đó: Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy giám sát 11 tổ chức đảng và 37 đảng viên; có 39 cấp ủy viên các cấp (*chiếm 45,34% tổng số đảng viên được giám sát*).

Nội dung giám sát đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng (65); việc ban hành và tổ chức thực hiện quy chế làm việc (10); công tác cán bộ (01).

Nội dung giám sát đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên (56); việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình (45); việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước (17); kê khai tài sản, thu nhập cá nhân (30).

Qua giám sát, cơ bản các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện tốt; có 02 đảng viên đến mức phải chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

2.3. Thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên

- Thi hành kỷ luật tổ chức đảng:

Trong nhiệm kỳ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 02 tổ chức đảng (*tăng 200% so với nhiệm kỳ 2015-2020*); hình thức kỷ luật khiển trách (01), cảnh cáo (01). Nội dung vi phạm quy chế làm việc, vi phạm trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp nhận, thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm; thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiểm tra, giám sát để trường và nhiều cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên vi phạm Luật Kế toán, Luật Ngân sách, quy định về dạy thêm, học thêm. Trong đó: Ban Thường vụ Huyện ủy thi hành kỷ luật 01 chi ủy chi bộ với hình thức cảnh cáo; Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy thi hành kỷ luật 01 chi bộ với hình thức khiển trách.

- Thi hành kỷ luật đảng viên:

Trong nhiệm kỳ cấp ủy các cấp và chi bộ đã thi hành kỷ luật 97 đảng viên (*tăng 10,23% so với nhiệm kỳ 2015-2020*). Hình thức kỷ luật: Khiển trách (73), cảnh cáo (23) và khai trừ (01). Trong đó: Ban Thường vụ Huyện ủy thi hành kỷ luật 01 đảng viên với hình thức khai trừ, vi phạm lĩnh vực đất đai và quản lý bảo vệ rừng; đảng ủy và chi bộ thi hành kỷ luật 96 đảng viên với hình thức: Khiển trách (73), cảnh cáo (23); nội dung vi phạm: những điều đảng viên không được làm (21), thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên (13), tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương (58), vi phạm khác (5). Cấp ủy viên các cấp: Đảng ủy viên (09), chi ủy viên (04).

Trong nhiệm kỳ ủy ban kiểm tra các cấp thi hành kỷ luật 30 đảng viên (*tăng 233,33% so với nhiệm kỳ 2015-2020*). Hình thức kỷ luật: Khiển trách (17), cảnh cáo (06) và khai trừ (07). Nội dung vi phạm: Thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên (25), chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác (01), tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương (1), vi phạm khác (3). Trong đó: Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy thi hành kỷ luật 26 đảng viên. Hình thức kỷ luật: Khiển trách (15), cảnh cáo (04) và khai trừ (07); ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thi hành kỷ luật 04 đảng viên. Hình thức kỷ luật: khiển trách (02), cảnh cáo (02).

Việc thi hành kỷ luật của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đảm bảo dân chủ, khách quan; công minh, chính xác, kịp thời, đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục quy định, làm rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại động cơ, nguyên nhân vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

2.4. Giải quyết tố cáo tổ chức đảng và đảng viên

Trong nhiệm kỳ toàn Đảng bộ tiếp nhận 03 đơn tố cáo (*giảm 86,36% so với nhiệm kỳ 2015-2020*)¹². Số đơn phải giải quyết 02 đơn, đơn không phải giải quyết 01 đơn (*dấu tên*). Nội dung tố cáo: Thực hiện quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác; các nguyên tắc sinh hoạt đảng (01 đơn); việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước (01 đơn); tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống (01 đơn). Kết quả giải quyết lưu 01 đơn (*dấu tên*); chuyển 01 đơn đến tổ chức đảng xem xét giải quyết (*kết quả tố sai*); chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 01 đơn, kết quả đảng viên bị tố cáo có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, cấp ủy có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật.

2.5. Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng

Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiếp nhận và giải quyết 01 trường hợp khiếu nại kỷ luật đảng (*tăng 100% so với nhiệm kỳ 2015-2020*), đảng viên khiếu nại nội dung và hình thức kỷ luật. Kết quả giải quyết, Ban Thường vụ Huyện ủy

¹² Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tiếp nhận 03/03 đơn.

quyết định giữ nguyên hình thức kỷ luật. Việc giải quyết khiếu nại của Ban Thường vụ Huyện ủy đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thời gian quy định.

2.6. Kiểm soát tài sản, thu nhập

Huyện ủy đã tổ chức quán triệt đầy đủ các văn bản của Đảng và Nhà nước về việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập đến toàn thể đội ngũ cán bộ chủ chốt và chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội triển khai quán triệt đến các chi bộ, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong việc kê khai tài sản thu nhập. Đồng thời, chỉ đạo cụ thể hóa ban hành các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kịp thời, đúng quy định. Chỉ đạo đưa nội dung kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản thu nhập vào chương trình công tác kiểm tra, giám sát hằng năm của Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy để triển khai thực hiện theo quy định.

Thực hiện Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị, số cán bộ, đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý và cán bộ, công chức khối đảng, đoàn thể từ năm 2022 đến năm 2025 cụ thể như sau: *(1) Năm 2022, số đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập 222 đồng chí, số bản kê khai tài sản, thu nhập được tiếp nhận, quản lý là 273 bản; (2) Năm 2023, số đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập 235 đồng chí, số bản kê khai tài sản, thu nhập được tiếp nhận, quản lý là 268 bản; (3) Năm 2024, số đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập 243 đồng chí, số bản kê khai tài sản, thu nhập được tiếp nhận, quản lý là 249 bản.*

Trong nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tiến hành kiểm tra, giám sát đối với 02 tổ chức đảng và 29 đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập. Qua kiểm tra, giám sát 02 tổ chức đảng đã thực hiện cơ bản tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập ở cơ quan, đơn vị; các đảng viên được kiểm tra, giám sát kê khai cơ bản theo quy định, có 03 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, có 02 đảng viên phải chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, tuy nhiên vi phạm của 02 đồng chí là do lỗi chủ quan, không cố ý, trong quá trình kiểm tra các đồng chí đã thực hiện giải trình trung thực, đầy đủ, không quanh co, dấu diếm, nghiêm túc nhìn nhận thấy khuyết điểm, vi phạm và đã làm bản kiểm điểm tự nhận hình thức kỷ luật, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy quyết định không thi hành kỷ luật đối với 02 đồng chí, yêu cầu kiểm điểm rút kinh nghiệm sâu sắc.

3. Công tác xây dựng ngành

3.1. Việc thực hiện chiến lược công tác kiểm tra, giám sát

Thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 19/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 61-KH/HU, ngày 31/8/2022 về thực hiện Kết luận số 34-

KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị; đồng thời chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 52-KH/UBKTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Qua đó, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tích cực góp phần xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị trong sạch.

3.2. Công tác tổ chức, cán bộ

- Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kịp thời củng cố, kiện toàn, sắp xếp, đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra từ huyện đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương trong từng giai đoạn, theo đúng chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, “*về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực hiệu quả*”, các Kết luận số: 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18; 126-KL/TW, ngày 14/02/2025 và 127-KL/TW, ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của công tác cán bộ; kịp thời quán triệt, triển khai các quy định mới của Trung ương đảm bảo ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mới theo các quy định của Trung ương.

- Ban Thường vụ Huyện ủy luôn quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp đảm bảo theo cơ cấu, số lượng quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Hiện nay, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy hiện có 07 đồng chí (*chủ nhiệm, 02 phó chủ nhiệm, 02 ủy viên chuyên trách, 02 ủy viên kiêm chức*); có 10 ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở với 39 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác kiểm tra; trong đó, đồng chí chủ nhiệm là phó bí thư đảng ủy và 24 đồng chí được phân công phụ trách làm công tác kiểm tra của chi bộ trực thuộc Huyện ủy.

- Ban Thường vụ Huyện ủy luôn quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy viên và cán bộ kiểm tra từ huyện đến cơ sở luôn được quan tâm thực hiện. Cử 02 đồng chí đi học lớp hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị, cử 02 đồng chí tham gia nâng ngạch kiểm tra viên chính; cử 02 đồng chí (*chủ nhiệm, phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy*) tham gia lớp bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên chính, cử 02 đồng chí (*01 phó chủ nhiệm và 01 ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy*) tham gia lớp bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên do Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổ chức; tham dự hội nghị tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát do Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổ chức; cử 08 đồng chí chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra do Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng tổ chức; chỉ đạo mở 20 lớp bồi dưỡng, cập nhật nghiệp vụ công tác đảng cho 1.347 lượt cán bộ cơ sở trong đó có đội ngũ cán bộ làm

công tác kiểm tra. Cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra cấp huyện là 05 đồng chí. Trong đó: 5/5 đồng chí có trình độ chuyên môn đại học; 3/5 đồng chí có trình độ lý luận chính trị cao cấp, 2/5 đồng chí có trình độ lý luận trung cấp. Có 10 ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở, với 39 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác kiểm tra cấp cơ sở. Trong đó 30/39 đồng chí có trình độ chuyên môn đại học; 10/39 đồng chí có trình độ lý luận trung cấp.

3.3. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kịp thời tham mưu Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy các cấp về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát nói chung, giám sát chuyên đề nói riêng qua đó tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

- Bằng nhiều hình thức thích hợp (*thông qua ủy viên phụ trách địa bàn, thông qua các cuộc kiểm tra của ủy ban kiểm tra, trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, ...*), Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy thực hiện công tác tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong đảng. Qua đó, giúp ủy ban kiểm tra cấp dưới nắm chắc, nắm vững hơn về quy trình, thủ tục, trình tự và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ngày càng đi vào nền nếp, số lượng, chất lượng nhiều cuộc kiểm tra, giám sát được nâng lên, đảm bảo đúng nội dung, kế hoạch đề ra.

3.4. Việc thực hiện đề án chuyển đổi số

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 151-KH/TU, ngày 24/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 232-KH/HU, ngày 28/3/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn huyện Đam Rông để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả tạo bước đột phá phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

- Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ động rà soát, phân loại, sắp xếp, thống kê, số hóa các tài liệu liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng của cấp mình để phục vụ công tác bàn giao tài liệu sau khi sắp xếp tổ chức lại tổ chức đảng ở địa phương theo quyết định của cấp

có thẩm quyền¹³. Chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng kiểm tra, rà soát vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền kết nối nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Ngành Kiểm tra trong thời gian tới¹⁴.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm

Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong huyện đã quán triệt, học tập, tuyên truyền đầy đủ, các văn bản mới của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng đến tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Qua đó, đổi mới mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát trong giai đoạn hiện nay.

Kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Đảng bộ; xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra từ huyện đến cơ sở đảm bảo đủ số lượng và từng bước nâng cao chất lượng; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra theo quy định. Kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng hoạt động, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy. Chú trọng đến công tác sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ.

Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai thực hiện tương đối toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm; phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng bộ đảm bảo thực hiện theo đúng quan điểm chỉ đạo “*giám sát phải mở rộng*”, “*kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm*”. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác nhạy cảm, phức tạp, nổi cộm, dễ xảy ra vi phạm, tham nhũng, tiêu cực; đồng thời, quan tâm giải quyết dứt điểm, kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo không để tồn đọng, kéo dài, những vụ việc gây dư luận, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, kịp thời phát hiện từ nội bộ để

¹³ Triển khai thực hiện ngay sau khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

¹⁴ Công văn số 1366-CV/HU, ngày 08/4/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai, thực hiện Kế hoạch số 158-KH/TU, ngày 31/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm, sai phạm lớn; đồng thời, kiên quyết xử lý, kỷ luật nghiêm minh đối với cán bộ, đảng viên suy thoái, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”, tham nhũng, tiêu cực với tinh thần “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai*”. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, góp phần ngăn ngừa tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

4.2. Hạn chế, khuyết điểm

- Một số cấp ủy cơ sở nhận thức chưa thật đầy đủ và sâu sắc về các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa thật sự toàn diện, chưa bám sát vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị.

- Một số ủy ban kiểm tra cơ sở chưa thực sự chủ động, còn hạn chế trong công tác tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều 30 Điều lệ Đảng; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Điều 32 Điều lệ Đảng. Chất lượng, hiệu quả một số cuộc kiểm tra, giám sát chưa cao; việc theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ sau kiểm tra, giám sát chưa thực sự được chú trọng; còn lúng túng khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; nội dung kiểm tra, giám sát chưa bám sát vào tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị; hầu hết ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở chưa thực hiện được nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát chuyên đề còn hạn chế; số đảng vi phạm phải thi hành kỷ luật còn ở mức cao.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám ở cơ sở chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác xây dựng đảng trong giai đoạn hiện nay.

4.3. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa phát huy hết trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng hiệu quả chưa cao.

- Công tác quản lý, giáo dục đảng viên của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế nên một số vụ việc nổi cộm, phát sinh tại địa phương, đơn vị chưa được chỉ đạo kiểm tra, xử lý kịp thời.

- Một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, về những điều đảng viên không được làm, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

- Điều kiện, phương tiện làm việc, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kiểm tra ở cơ sở còn hạn chế.

4.4. Bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và kiểm soát tài sản, thu nhập của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp

Từ thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra trong nhiệm kỳ qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Hai là, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp phải xác định đúng chức năng, nhiệm vụ và nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, mở rộng nhiều lĩnh vực và triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và có hiệu quả.

Ba là, lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ huyện chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện và tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên (*kể cả cấp ủy viên cùng cấp*) khi có dấu hiệu vi phạm kịp thời, hiệu quả, nhất là kiểm tra những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm, như: Công tác cán bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, đất đai, tài chính, tài sản thu nhập, quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên, khoáng sản...

Bốn là, quan tâm kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp đảm bảo số lượng, chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Năm là, tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đối với ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; thường xuyên sâu sát cơ sở để chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ nghiệp vụ cho cán bộ kiểm tra cơ sở; thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên kịp thời phát hiện, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm từ khi mới manh nha.

Sáu là, trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát phải huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; xây dựng và tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với nhiệm vụ giám sát của hội đồng nhân dân các cấp và giám sát phản biện xã hội của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị.

III. Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030

Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong công tác kiểm tra, giám sát, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo, quán triệt sâu và tổ chức thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, nhất là các cấp ủy viên, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ lãnh đạo các tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong nhân dân.

2. Quan tâm đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp gắn với việc thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 19/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030, nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tích cực góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

3. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng, thẩm quyền Điều lệ Đảng quy định. Trong đó, ủy ban kiểm tra phải chủ động thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy và nhiệm vụ cấp ủy giao. Tập trung kiểm tra, giám sát ở những lĩnh vực dễ nảy sinh vi phạm, tiêu cực hay còn nhiều hạn chế, yếu kém gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chú trọng kiểm tra, giám sát cấp ủy viên cùng cấp, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ... để phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; xem xét xử lý hoặc kiến nghị xử lý kỷ luật nghiêm minh những trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý, để giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

4. Đề cao việc tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên; phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, tính chủ động phối hợp, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thuộc chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan và tham mưu giúp cấp ủy những giải pháp hữu hiệu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ huyện nói riêng, góp phần hạn chế thấp nhất tình trạng tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đến mức phải xem xét, thi hành kỷ luật.

5. Chú trọng sơ, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, quy định có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, các giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của ủy ban kiểm tra, thường xuyên củng cố, kiện toàn bộ máy ủy ban kiểm tra; thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra đảm bảo về số lượng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị, năng lực hoạt động thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

7. Lãnh đạo, chỉ đạo việc chuyển đổi số trong Ngành Kiểm tra Đảng, ứng dụng công nghệ số đổi mới quy trình nghiệp vụ; đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra, giám sát trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu “*giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu*” trong Ngành Kiểm tra Đảng.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- UBKT Tỉnh ủy (báo cáo),
- Các Ban của Huyện ủy,
- Các TCCS đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đ/c Huyện ủy viên,
- Lưu VP Huyện ủy (UBKT).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đa Cát K’Hương

Phụ lục 01

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA,
GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY VÀ UBKT NHIỆM KỲ 2020-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 453-BC/HU, ngày 14/4/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
A	KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP VÀ CHI BỘ			
I	KIỂM TRA THEO ĐIỀU 30 ĐIỀU LỆ ĐẢNG			
1	Kiểm tra đảng viên			
	<i>Tổng số đảng viên được kiểm tra</i>	945	1,313	38.94
	Cấp kiểm tra			
	BCHTW, BCT, Ban Bí thư			
	Các CQ tham mưu của TW			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu, của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	21	31	47.62
	Các CQ tham mưu, của cấp ủy huyện và tương đương		1	
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	47	55	17.02
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ	877	1,226	39.79
	Nội dung kiểm tra			
	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm	46	102	
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	656	985	
	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	450	168	
	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	62	98	
	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	102	132	
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác	33	45	
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	17	58	241.18
	Cấp cơ sở	928	1,255	35.24
	Là cấp ủy viên các cấp	154	176	14.29
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	Huyện ủy viên và tương đương	06	31	416.67
	Đảng ủy viên	23	56	143.48
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên	125	89	-28.80
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	93	173	
	Hành chính, Nhà nước	463	297	
	Đoàn thể	85	93	
	Lực lượng vũ trang	75	199	
	Sự nghiệp công lập		199	
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Các lĩnh vực khác	227	352	
	Kết luận			
	Thực hiện tốt	640	1,256	
	Thực hiện chưa tốt	305	57	
	<i>Trong đó: Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật</i>	09	31	
	<i>Phải thi hành kỷ luật</i>		1	
	<i>Đã thi hành kỷ luật</i>		1	

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
2	Kiểm tra tổ chức đảng			
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>	201	286	42.29
	Cấp kiểm tra			
	BCH Trung ương, BCT, BBT			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	42	47	11.90
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương		11	
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	159	228	43.40
	Đảng ủy bộ phận			
	Nội dung kiểm tra			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	129	183	
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	15	18	
	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	19	30	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	04	7	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	02	2	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án			
	Công tác cán bộ	08	6	
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo			
	Khác			
	Tổ chức đảng được kiểm tra			
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV, thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy, thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	28	47	67.86
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy	173	239	38.15
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng...)			
	Kết luận			
	Thực hiện tốt	168	265	57.74
	Thực hiện chưa tốt	33	21	-36.36
	<i>Trong đó: Có vi phạm, khuyết điểm chưa đến mức phải kỷ luật</i>		21	
	<i>Phải thi hành kỷ luật</i>			
	<i>Đã thi hành kỷ luật</i>			
II	KIỂM TRA KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM			
1	Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm			
	<i>Tổng số đảng viên được kiểm tra</i>			
	Cấp kiểm tra			
	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở			
	Đảng ủy bộ phận			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Chi bộ			
	Nội dung kiểm tra			
	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm			
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên			
	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác			
	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác			
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương			
	Cấp cơ sở			
	Là cấp ủy viên các cấp			
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	Huyện ủy viên và tương đương			
	Đảng ủy viên			
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên			
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng			
	Hành chính, Nhà nước			
	Đoàn thể			
	Lực lượng vũ trang			
	Sự nghiệp công lập			
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Các lĩnh vực khác			
	Kết luận			
	Số có vi phạm			
	Phải thi hành kỷ luật			
	Đã thi hành kỷ luật			
2	Kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm			
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>			
	Cấp kiểm tra			
	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở			
	Nội dung kiểm tra			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng			
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án			
	Công tác cán bộ			
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo			
	Khác			
	Tổ chức đảng được kiểm tra			
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở			
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy			
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)			
	Kết luận			
	Số có vi phạm			
	Phải thi hành kỷ luật			
	Đã thi hành kỷ luật			
III	GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ			
1	Giám sát đảng viên			
	<i>Tổng số đảng viên được giám sát</i>	79	104	31.65
	Cấp giám sát			
	BCH TW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	16	28	75.00
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	27	51	88.89
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ	36	25	-30.56
	Nội dung giám sát			
	Việc thực hiện những điều đảng viên không được làm			
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	79	104	
	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	15	36	
	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	23	42	
	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác	12	9	
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	08	24	200.00
	Cấp cơ sở	71	80	12.68
	Cấp ủy viên các cấp	46	62	34.78
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	<i>Trong đó: Bí thư</i>			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	<i>Phó Bí thư</i>			
	Huyện ủy viên và tương đương	09	13	
	<i>Trong đó: Bí thư</i>	08	13	
	<i>Phó Bí thư</i>			
	Đảng ủy viên	12	14	
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên	25	35	
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	25	21	
	Hành chính, Nhà nước	36	47	
	Đoàn thể	11	15	
	Lực lượng vũ trang	01	5	
	Sự nghiệp công lập		3	
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Các lĩnh vực khác	06	13	
	Kết quả			
	Số đảng viên thực hiện tốt	79	103	
	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm		1	
	Số đảng viên chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm			
2	Giám sát tổ chức đảng			
	<i>Tổng số tổ chức đảng được giám sát</i>	55	137	149.09
	Cấp giám sát			
	BCH Trung ương, Bộ Chính trị, BBT			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	21	31	47.62
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	34	106	211.76
	Đảng ủy bộ phận			
	Nội dung giám sát			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng	48	126	162.50
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	23	45	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên	06	12	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	02	2	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án			
	Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao			
	Công tác cán bộ			
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo			
	Khác			
	Tổ chức đảng được giám sát			
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV, thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV, thường trực huyện ủy và tương đương			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	16	17	6.25
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy	39	120	207.69
	Khác (Ban Chi đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)			
	Kết quả			
	Số tổ chức đảng thực hiện tốt	55	120	118.18
	Số tổ chức đảng có vi phạm, khuyết điểm			
	Số tổ chức đảng chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm			
IV	THI HÀNH KỶ LUẬT CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP VÀ CHI BỘ			
1	Thi hành kỷ luật đảng viên			
	<i>Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật</i>	88	97	10.23
	Hình thức kỷ luật			
	Khiển trách	74	73	
	Cảnh cáo	13	23	
	Cách chức	01		
	Khai trừ		1	
	Cấp thi hành kỷ luật			
	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV HU và tương đương	01	1	
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	70	21	
	Chi bộ	17	75	
	Nội dung vi phạm			
	Những điều đảng viên không được làm	03	21	
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	27	13	
	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	02		
	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	52	58	
	Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác	07	5	
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	02	3	
	Cấp cơ sở	86	94	
	Là cấp ủy viên các cấp			
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	Huyện ủy viên và tương đương	01		
	Đảng ủy viên	09	9	
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên	12	4	
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	11		
	Hành chính, Nhà nước	46	52	
	Đoàn thể	02	3	
	Lực lượng vũ trang	09	9	
	Sự nghiệp công lập		3	
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Các lĩnh vực khác	20	30	
	Đảng viên bị thi hành kỷ luật từ nhiệm vụ			
	Kiểm tra theo Điều 30 của Điều lệ Đảng			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của BTV cấp ủy và chi bộ			
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp			
	Khác (từ đề nghị của TCD, UBKT cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	88	97	
	Xử lý khác đối với đảng viên			
	Đình chỉ sinh hoạt Đảng		7	
	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên			
	Xóa tên, cho rút			
	Xử lý pháp luật			
	Xử lý hành chính			
2	Thi hành kỷ luật tổ chức đảng			
	Tổng số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật		1	100
	Hình thức kỷ luật			
	Khiển trách			
	Cảnh cáo		1	
	Giải tán			
	Cấp thi hành kỷ luật			
	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương		1	
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở			
	Nội dung vi phạm			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng			
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng		1	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án			
	Công tác cán bộ			
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo			
	Khác			
	Tổ chức bị thi hành kỷ luật			
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở			
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy		1	
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng,...)			
	Bị thi hành kỷ luật từ nhiệm vụ			
	Kiểm tra theo Điều 30 của Điều lệ Đảng			
	Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của BTV cấp ủy và chi bộ			
	Giải quyết tố cáo của cấp ủy các cấp			
	Khác (từ đề nghị của TCD, UBKT cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)		1	

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
V	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT ĐẢNG CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP			
1	Giải quyết khiếu nại kỷ luật của đảng viên			
	<i>Tổng phải giải quyết</i>		1	100
	<i>Đã giải quyết xong</i>		1	
	Cấp giải quyết khiếu nại			
	BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư			
	<i>Trong đó: Ban Chấp hành Trung ương</i>			
	<i>Bộ Chính trị</i>			
	<i>Ban Bí thư</i>			
	Tỉnh ủy và tương đương			
	BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy và tương đương			
	BTV huyện ủy và tương đương		1	
	Đảng ủy cơ sở			
	BTV đảng ủy cơ sở			
	Nội dung khiếu nại			
	Nội dung vi phạm		1	
	Hình thức kỷ luật		1	
	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền			
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương		1	
	Cấp cơ sở			
	Cấp quyết định kỷ luật			
	BCHTW, Bộ Chính trị, BBT			
	UBKT Trung ương			
	Tỉnh ủy và tương đương			
	BTV tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy và tương đương			
	BTV huyện ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương		1	
	Đảng ủy cơ sở			
	BTV đảng ủy cơ sở			
	UBKT đảng ủy cơ sở			
	Chi bộ			
	Giải quyết đúng thời gian quy định		1	
	Kết luận			
	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết			
	Giữ nguyên hình thức kỷ luật		1	
	Thay đổi hình thức kỷ luật			
	<i>Trong đó: Tăng hình thức kỷ luật</i>			
	<i>Giảm hình thức kỷ luật</i>			
	<i>Xoá kỷ luật</i>			
	Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật			
	Vận dụng phương hướng, phương châm THKL			
	Thẩm tra, xác minh			
	Khác			
2	Giải quyết khiếu nại kỷ luật của tổ chức đảng			
	<i>Đã giải quyết xong, kết luận</i>			
	Cấp giải quyết khiếu nại			
	Ban Chấp hành Trung ương			
	Bộ Chính trị			
	Ban Bí thư			
	Tỉnh ủy và tương đương			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy và tương đương			
	BTV huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở			
	BTV Đảng ủy cơ sở			
	Nội dung khiếu nại			
	Nội dung vi phạm			
	Hình thức kỷ luật			
	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền			
	Tổ chức đảng khiếu nại			
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy và tương đương			
	Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy và tương đương			
	Ban Thường vụ, Thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở			
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy			
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)			
	GQ đúng thời gian quy định			
	Kết luận			
	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết			
	Giữ nguyên hình thức kỷ luật			
	Thay đổi hình thức kỷ luật			
	<i>Trong đó: Tăng hình thức kỷ luật</i>			
	<i>Giảm hình thức kỷ luật</i>			
	<i>Xoá kỷ luật</i>			
	Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật			
	Vận dụng phương hướng, phương châm THKL			
	Thẩm tra, xác minh			
	Khác			
B	KIỂM TRA, GIÁM SÁT THEO ĐIỀU 32 ĐIỀU LỆ ĐẢNG			
I	KIỂM TRA ĐẢNG VIÊN VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP			
1	Kiểm tra đảng viên			
	<i>Tổng số đảng viên được kiểm tra</i>	15	9	-40.00
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	13	8	-38.46
	UBKT đảng ủy cơ sở	02	1	-50.00
	Nội dung kiểm tra			
	Những điều đảng viên không được làm	03		
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	08	9	
	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước	05	9	
	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác	04		
	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	03		
	Tham nhũng, cổ ý làm trái			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân		2	

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Khác	01		
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	07	8	
	Cấp cơ sở	08	1	
	Là cấp ủy viên các cấp			
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	Huyện ủy viên và tương đương	02	1	
	Đảng ủy viên	05	3	
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên	04	2	
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	04	2	
	Hành chính, Nhà nước	09	3	
	Đoàn thể	02		
	Lực lượng vũ trang			
	Sự nghiệp công lập		3	
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Lĩnh vực khác		1	
	Kết luận			
	Số có vi phạm	15	9	
	<i>Trong đó: Phải thi hành kỷ luật</i>	07	5	
	<i>Đã thi hành kỷ luật</i>	07	5	
2	Kiểm tra tổ chức đảng			
	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra	03	3	
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	03	3	
	UBKT đảng ủy cơ sở			
	Nội dung kiểm tra			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng	03	3	
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước		1	
	Việc chấp hành các nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng	03	3	
	Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			
	Quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên			
	Công tác cán bộ			
	Khác			
	Tổ chức đảng được kiểm tra			
	BCS đảng, đảng đoàn ở TW			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV, Thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	01	1	
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy	02	2	

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng,...)			
	Kết luận			
	Tổ chức đảng có vi phạm	03	3	
	<i>Trong đó: Phải thi hành kỷ luật</i>		2	
	<i>Đã thi hành kỷ luật</i>		2	
II	KIỂM TRA TỔ CHỨC ĐẢNG CẤP DƯỚI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP			
1	Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát			
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>	124	130	4.84
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	42	19	-54.76
	UBKT đảng ủy cơ sở	82	111	35.37
	Tổ chức đảng được kiểm tra			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	15	10	-33.33
	UBKT đảng ủy cơ sở	15	8	-46.67
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy	94	112	19.15
	Kết luận			
	Số không có chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát			
	Số chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	47	14	
	Số chưa thực hiện nhiệm vụ tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát		14	
	Số chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của UBKT		1	
	Số chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan UBKT cấp dưới			
	Số vụ việc bị cấp kiểm tra rút hồ sơ để kiểm tra trực tiếp			
	Số số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu: kiểm điểm; kiểm tra; giám sát			
	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu xem xét thi hành kỷ luật			
	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu hoàn thành kiểm tra, giám sát			
2	Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới			
	<i>Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra</i>	21	18	-14.29
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	20	18	
	UBKT đảng ủy cơ sở	01		
	Số ĐV bị THKL trong mốc thời gian kiểm tra			
	Tổng số	59	69	
	Số có khiếu nại sau khi bị THKL			
	Đảng viên bị THKL do từng cấp quản lý			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	01		
	Cấp cơ sở và tương đương	43	35	
	Chi bộ	15	34	
	Số TCD bị THKL trong mốc thời gian kiểm tra			
	Tổng số			
	Số có khiếu nại sau khi bị THKL			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Tổ chức đảng được kiểm tra			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	17	9	
	UBKT đảng ủy cơ sở		3	
	Chi bộ	04	6	
	Kết luận			
	Số tổ chức đảng làm tốt công tác THKL	21	18	
	Số tổ chức đảng chưa làm tốt công tác THKL			
	Số đảng viên bị THKL không đúng thẩm quyền, nguyên tắc, thủ tục			
	Số TCD bị THKL không đúng thẩm quyền, nguyên tắc, thủ tục			
	Số đảng viên bị THKL không đúng hình thức; vi phạm đến mức kỷ luật mà không THKL; bị oan, sai			
	Số TCD bị THKL không đúng hình thức; vi phạm đến mức kỷ luật mà không THKL; bị oan, sai			
	Kiến nghị sau kiểm tra			
	Số đảng viên tăng hình thức kỷ luật			
	Số TCD tăng hình thức kỷ luật			
	Số đảng viên giảm hình thức kỷ luật			
	Số TCD giảm hình thức kỷ luật			
	Số đảng viên xóa kỷ luật			
	Số TCD xóa kỷ luật			
III	GIÁM SÁT TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP			
1	Giám sát đảng viên			
	Tổng số đảng viên được giám sát	43	86	100.00
	Cấp giám sát			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	18	37	105.56
	UBKT cấp cơ sở	25	49	96.00
	Nội dung giám sát			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình	29	45	
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	10	17	
	Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác	15	26	
	Tư tưởng chính trị, giữ gìn đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương			
	Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Về thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	35	56	
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân		30	
	Khác	08		
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	13	37	
	Cấp cơ sở	30	49	
	Cấp ủy viên các cấp	31	39	
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	<i>Trong đó: Bí thư</i>			
	<i>Phó Bí thư</i>			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Huyện ủy viên và tương đương	05	9	
	<i>Trong đó: Bí thư</i>	05	9	
	<i>Phó Bí thư</i>			
	Đảng ủy viên	06	10	
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên	20	20	
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	09	13	
	Hành chính, Nhà nước	24	31	
	Đoàn thể	03	16	
	Lực lượng vũ trang	04	2	
	Sự nghiệp công lập		2	
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Các lĩnh vực khác	03	22	
	Kết quả			
	Số đảng viên thực hiện tốt	43	81	
	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm		5	
	Số đảng viên chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm		2	
2	Giám sát tổ chức đảng			
	<i>Tổng số tổ chức đảng được giám sát</i>	49	67	36.73
	Cấp giám sát			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	09	11	22.22
	UBKT cấp cơ sở	40	56	40.00
	Nội dung giám sát			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên	49	65	
	Việc ban hành và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	07	10	
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước			
	Việc thực hiện các kết luận, quyết định kiểm tra, giám sát và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm			
	Công tác cán bộ		1	
	Khác			
	Tổ chức đảng được giám sát			
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương			
	Các CQ tham mưu của Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV, thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy, thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV Đảng ủy cơ sở	05	1	
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy	44	66	
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)			
	Kết quả			
	Số tổ chức đảng thực hiện tốt	49	66	
	Số tổ chức đảng có vi phạm, khuyết điểm		1	
	Số tổ chức đảng chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm			
IV	THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP			
1	Thi hành kỷ luật đảng viên			
	<i>Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật</i>	09	30	233.33

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Hình thức kỷ luật			
	Khiển trách	07	17	142.86
	Cảnh cáo	01	6	500.00
	Cách chức			
	Khai trừ	01	7	600.00
	Cấp thi hành kỷ luật			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	09	26	188.89
	UBKT đảng ủy cơ sở		4	
	Nội dung vi phạm			
	Những điều đảng viên không được làm	01		
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cấp ủy viên	05	25	
	Việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước		1	
	Việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác			
	Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	02	1	
	Tham nhũng, cổ ý làm trái			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác	01	3	
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	04	15	
	Cấp cơ sở	05	15	
	Là cấp ủy viên các cấp			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	Huyện ủy viên và tương đương			
	Đảng ủy viên	04	3	
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên	02	12	
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	02		
	Hành chính, Nhà nước	04	12	
	Đoàn thể	01	1	
	Lực lượng vũ trang		4	
	Sự nghiệp công lập		8	
	SXKD, dịch vụ			
	Lĩnh vực khác	02	2	
	Bị THKL từ nhiệm vụ			
	Kiểm tra khi có DHVP	03	7	
	Giải quyết tố cáo			
	Kiểm tra tài chính đảng (thu chi NSNN và SXKD)			
	Kiểm tra tài chính đảng (thu nộp, quản lý sử dụng ĐP)			
	Khác (từ đề nghị của TCD cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)	06	23	
	Xử lý khác đối với đảng viên			
	Đình chỉ sinh hoạt Đảng		7	
	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy			
	Xử lý pháp luật	01	6	
	Xử lý hành chính		4	
2	Thi hành kỷ luật tổ chức đảng			
	Tổng số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật		1	100
	Hình thức kỷ luật			
	Khiển trách		1	

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Cảnh cáo			
	Cấp thi hành kỷ luật			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương		1	
	Nội dung vi phạm			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng			
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng		1	
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp			
	Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án			
	Công tác cán bộ			
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo			
	Khác			
	Tổ chức bị thi hành kỷ luật			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV, Thường trực huyện ủy và tương đương			
	Các CQ tham mưu của cấp ủy huyện và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở			
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy		1	
	Khác (ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)			
	Bị thi hành kỷ luật từ nhiệm vụ			
	Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm		1	
	Giải quyết tố cáo			
	Kiểm tra tài chính đảng về thu chi NSNN và SXKD			
	Kiểm tra tài chính đảng về thu nộp, quản lý sử dụng đảng phí			
	Khác (từ đề nghị của TCD, UBKT cấp dưới, từ chỉ đạo của cấp trên giao...)			
V	GIẢI QUYẾT TỐ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP			
1	Giải quyết tố cáo đảng viên			
	<i>Tổng số phải giải quyết</i>	05		-100.00
	<i>Đã giải quyết xong</i>	05		-100.00
	Cấp giải quyết			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	05		
	UBKT đảng ủy cơ sở			
	Nội dung tố cáo			
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng			
	Về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt động			
	Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	02		
	Về phẩm chất đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương	02		
	Tham nhũng, cổ ý làm trái			
	Đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhà ở, môi trường			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng, y tế, khoa học công nghệ			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác	01		
	Đảng viên do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương	05		
	Cấp cơ sở			
	Là cấp ủy viên các cấp			
	Ủy viên Trung ương			
	Tỉnh ủy viên và tương đương			
	Huyện ủy viên và tương đương	01		
	Đảng ủy viên	03		
	Đảng ủy viên đảng ủy bộ phận			
	Chi ủy viên			
	Đảng viên ở các lĩnh vực			
	Đảng	03		
	Hành chính, Nhà nước	01		
	Đoàn thể	01		
	Lực lượng vũ trang			
	Sự nghiệp công lập			
	Sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
	Các lĩnh vực khác			
	Giải quyết đúng thời gian quy định			
	Kết luận			
	Cho rút đơn, không xem xét giải quyết			
	Chưa có cơ sở kết luận			
	Tổ sai	01		
	Tổ đúng và đúng một phần	04		
	<i>Trong đó: Đúng có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật</i>	01		
	<i>Phải thi hành kỷ luật</i>	03		
	<i>Đã thi hành kỷ luật</i>	03		
2	Giải quyết tố cáo tổ chức đảng			
	Tổng số phải giải quyết			
	<i>Đã giải quyết xong</i>			
	Cấp giải quyết			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương			
	UBKT đảng ủy cơ sở			
	Nội dung tố cáo			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng			
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng			
	Đoàn kết nội bộ			
	Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			
	Công tác cán bộ			
	Khác			
	Tổ chức đảng bị tố cáo			
	BCS đảng, đảng đoàn ở Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy, thường trực tỉnh ủy và tương đương			
	BCS đảng, đảng đoàn cấp tỉnh và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy, thường trực huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy, BTV đảng ủy cơ sở			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Đảng ủy bộ phận			
	Chi bộ, Chi ủy			
	Khác (tiểu ban, hội đồng, tổ đảng...)			
	<i>Giải quyết đúng thời gian quy định</i>			
	<i>Kết luận</i>			
	Không xem xét, giải quyết			
	Chưa có cơ sở kết luận			
	Tổ sai			
	Tổ đúng và đúng một phần			
	<i>Trong đó: Đúng có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật</i>			
	<i>Phải thi hành kỷ luật</i>			
	<i>Đã thi hành kỷ luật</i>			
VI	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP			
1	Khiếu nại kỷ luật đảng viên			
	<i>Tổng số phải giải quyết</i>			
	<i>Đã giải quyết xong</i>			
	<i>Cấp giải quyết</i>			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương			
	UBKT đảng ủy cơ sở			
	<i>Nội dung khiếu nại</i>			
	Nội dung vi phạm			
	Hình thức kỷ luật			
	Nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền			
	<i>Cấp quyết định kỷ luật</i>			
	Tỉnh ủy và tương đương			
	BTV tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy và tương đương			
	BTV huyện ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở			
	UBKT Đảng ủy cơ sở			
	Chi bộ			
	<i>Đảng viên do từng cấp quản lý</i>			
	Trung ương			
	Cấp tỉnh và tương đương			
	Cấp huyện và tương đương			
	Cấp cơ sở			
	<i>Giải quyết đúng thời gian quy định</i>			
	<i>Kết luận</i>			
	Cho rút đơn, không xem xét, giải quyết			
	Giữ nguyên hình thức kỷ luật			
	Thay đổi hình thức kỷ luật			
	<i>Trong đó Tăng hình thức kỷ luật</i>			
	<i>Giảm hình thức kỷ luật</i>			
	<i>Xoá kỷ luật</i>			
	<i>Nguyên nhân thay đổi hình thức kỷ luật</i>			
	Vận dụng phương hướng, phương châm thi hành kỷ luật			
	Thẩm tra, xác minh			
	Khác			
VII	KIỂM TRA TÀI CHÍNH ĐẢNG			
1	Về thu, chi ngân sách và sản xuất kinh doanh			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Tổng số tổ chức được kiểm tra	23	16	-30.43
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	23	16	-30.43
	UBKT đảng ủy cơ sở			
	Nội dung kiểm tra			
	Tài chính của cấp ủy	23	16	-30.43
	Tài chính của đơn vị hành chính			
	Tài chính của đơn vị sự nghiệp			
	Sản xuất kinh doanh			
	Xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản			
	Các nội dung khác			
	Tổ chức đang được kiểm tra			
	Văn phòng Trung ương			
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của Trung ương			
	Doanh nghiệp của Đảng ở Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương			
	Đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc của tỉnh ủy và tương đương			
	Doanh nghiệp của Đảng ở tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương			
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	08	6	
	Đảng ủy bộ phận, chi bộ trực thuộc	15	10	
	Kết luận			
	Số TCD có vi phạm	06	1	
	Số có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật	06	1	
	Số có vi phạm phải thi hành kỷ luật			
	Số có vi phạm đã thi hành kỷ luật			
	Nội dung vi phạm			
	Trong công tác tham mưu, thực hiện quy định, chính sách			
	Trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tài chính cấp dưới			
	Trong chi tiêu, quản lý tài chính	06	1	
	Trong công tác hạch toán, kế toán			
	Số tiền vi phạm (ĐVT: triệu đồng)		6,75	
	Trong đó: Tham ô, thất thoát, lãng phí (ĐVT: triệu đồng)			
	Đề ngoài sổ sách, sai chế độ (ĐVT: triệu đồng)	39,22	6,75	
	Các vi phạm khác (ĐVT: triệu đồng)			
	Đề nghị xử lý			
	Trong đó: Thu hồi, yêu cầu bồi thường (ĐVT: triệu đồng)			
	Xuất toán, hạch toán lại (ĐVT: triệu đồng)	0,9	6,75	
	Khác (ĐVT: triệu đồng)	38,32		
	Đảng viên có vi phạm			
	Tổng số			
	Có vi phạm chưa đến mức phải kỷ luật			
	Phải thi hành kỷ luật			
	Đã thi hành kỷ luật			
	Chuyển cơ quan pháp luật xử lý			
2	Về thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí			
	Tổng số đảng viên được kiểm tra	127	117	-7.87
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	UBKT huyện ủy và tương đương	23	16	
	UBKT đảng ủy cơ sở	104	101	
	Số đảng viên thuộc tổ chức đảng được kiểm tra			
	Văn phòng Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương			
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	08	6	
	Chi bộ, đảng bộ trực thuộc, Chi ủy	119	11	
	Tổng số tổ chức đảng được kiểm tra			
	Cấp kiểm tra			
	UBKT Trung ương			
	UBKT tỉnh ủy và tương đương			
	UBKT huyện ủy và tương đương	23	16	
	UBKT đảng ủy cơ sở	104	111	
	Tổ chức đảng được kiểm tra			
	Văn phòng Trung ương			
	Tỉnh ủy, BTV tỉnh ủy và tương đương			
	Cơ quan tài chính tỉnh ủy và tương đương			
	Huyện ủy, BTV huyện ủy và tương đương			
	Cơ quan tài chính huyện ủy và tương đương			
	Đảng ủy cơ sở, BTV đảng ủy cơ sở	08	6	
	Chi bộ, đảng bộ trực thuộc, Chi ủy	119	110	
	Kết luận			
	Số tổ chức đảng có vi phạm	07	3	
	Phải thi hành kỷ luật			
	Đã thi hành kỷ luật			
	Số tiền vi phạm (ĐVT: triệu đồng)			
	Tổng số	2,503	1,811	
	Nội dung vi phạm			
	Thu thiếu	1,447	0,954	
	Thu thừa	559	0,857	
	Tham ô, biển thủ			
	Chi sai chế độ			
	Khác			
	Đề nghị xử lý			
	Xuất toán, thu hồi			
	Hạch toán lại			
	Giao đơn vị xử lý	2,006	1,811	
	Khác	497		
	Đảng viên có vi phạm			
	Tổng số			
	Có vi phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật			
	Phải thi hành kỷ luật			
	Đã thi hành kỷ luật			
VIII	TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO			
1	Đơn thư tố cáo, phản ánh đảng viên			
	Tổng số đơn thư	22	3	-86.36
	Đảng viên bị tố cáo do từng cấp quản lý			
	Trung ương			
	Tỉnh và tương đương			
	Huyện và tương đương	18	2	
	Cơ sở	04	1	
	Phân loại			
	Đơn phải giải quyết	11	1	
	Đơn không phải giải quyết	11	1	

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	<i>Đơn phục vụ công tác kiểm tra, giám sát</i>		1	
	Nội dung			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng			
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác; các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng		1	
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên	08	1	
	Tư tưởng chính trị, việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương	10	1	
	Việc giữ gìn đoàn kết nội bộ			
	Những điều đảng viên không được làm			
	Tham nhũng, cổ ý làm trái			
	Thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo			
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước	04		
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác			
	Kết quả xử lý			
	Thành lập đoàn giải quyết tố cáo	05	1	
	Kết thúc đơn, không giải quyết tố cáo			
	Chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền	05	1	
	Hướng dẫn, trả đơn; kết thúc tố cáo			
	Lưu đơn	12	1	
2	Đơn thư tố cáo, phản ánh tổ chức đảng			
	<i>Tổng số đơn thư</i>			
	Tổ chức đảng bị tố cáo do từng cấp quản lý			
	<i>Trung ương</i>			
	<i>Tỉnh và tương đương</i>			
	<i>Huyện và tương đương</i>			
	<i>Cơ sở</i>			
	Phân loại			
	<i>Đơn phải giải quyết</i>			
	<i>Đơn không phải giải quyết</i>			
	<i>Đơn phục vụ công tác kiểm tra, giám sát</i>			
	Nội dung			
	Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng			
	Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên			
	Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác; các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng			
	Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên			
	Tư tưởng chính trị, việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương			
	Việc giữ gìn đoàn kết nội bộ			
	Những điều đảng viên không được làm			
	Tham nhũng, cổ ý làm trái			
	Thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo			
	Việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước			
	Kê khai tài sản, thu nhập cá nhân			
	Khác			
	Kết quả xử lý			
	Thành lập đoàn giải quyết tố cáo			
	Kết thúc đơn, không giải quyết tố cáo			
	Chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền			
	Hướng dẫn, trả đơn; kết thúc tố cáo			
	Lưu đơn			
C	LUẬN CHUYỂN CÁN BỘ TRONG KỲ			
	Số trong ngành			

TT	NỘI DUNG	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	So sánh NK 2015-2020 và NK 2020- 2025 (%)
	Chuyển đi cùng cấp			
	Chuyển đến cùng cấp			
	Chuyển đi cấp trên			
	Chuyển đi cấp dưới			
	Cấp trên chuyển xuống			
	Số ngoài ngành			
	Đi ngoài ngành	01		100
	Ngoài ngành đến			
D	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC			
	Tổng số cán bộ, công chức được cử đi đào tạo trong năm			
	Chuyên môn			
	Tiến sỹ			
	Thạc sỹ			
	Đại học	01		
	Cao đẳng			
	Lý luận chính trị			
	Cử nhân chính trị trở lên, cao cấp		2	
	Trung cấp			
	Sơ cấp			
	Nghệp vụ kiểm tra			
	Đại học (chuyên ngành công tác kiểm tra)			
	Bồi dưỡng ngạch KTVCC			
	Bồi dưỡng ngạch KTV	02	2	
	Bồi dưỡng ngạch KTV		2	
	Bồi dưỡng chức danh CN, PCN			
	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác KT, GS	16	16	
	Khác			

Phụ lục 02

SỐ LIỆU GIẢI QUYẾT TỔ CÁO CỦA CẤP ỦY, UBKT CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2020-2025

(Kèm theo Báo cáo số 453-BC/HU, ngày 14/4/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Giải quyết tố cáo tổ chức đảng và đảng viên	Số lượng	Ghi chú
1	I. Giải quyết tố cáo tổ chức đảng		
	1.1. Số tổ chức đảng được giải quyết tố cáo		
	1.2. Số tổ chức đảng được tố đúng, có vi phạm		
	1.3. Số vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật		
	1.4. Số đã thi hành kỷ luật:		
	<i>1.4.1. Khiển trách</i>		
	<i>1.4.2. Cảnh cáo</i>		
2	II. Giải quyết tố cáo đảng viên		
	2.1. Số đảng viên được giải quyết tố cáo	2	
	2.2. Số tố đúng, có vi phạm	1	
	2.3. Số vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật	1	
	2.4. Số đã thi hành kỷ luật:	1	
	<i>2.4.1. Khiển trách</i>		
	<i>2.4.2. Cảnh cáo</i>		
	<i>2.4.3. Cách chức</i>		
	<i>2.4.4. Khai trừ</i>	1	

Phụ lục 03

SỐ LIỆU CÁN BỘ LUÂN CHUYỂN TRONG NGÀNH KIỂM TRA NHIỆM KỲ 2020-2025

(Kèm theo Báo cáo số 453-BC/HU, ngày 14/4/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Hình thức luân chuyển	Số lượng cán bộ	Ghi chú
1	I. Luân chuyển trong Ngành		
	1.1. Luân chuyển cùng cấp		
	1.2. Luân chuyển từ cấp trên xuống cấp dưới		
	1.3. Luân chuyển từ cấp dưới lên cấp trên		
2	II. Luân chuyển ngoài Ngành		
	2.1. Từ Ngành luân chuyển đi		
	2.2. Từ ngoài luân chuyển vào Ngành		
Tổng số cán bộ luân chuyển (I + II)			

Phụ lục 04

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 56-QĐ/TW, NGÀY 08/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ HƯỚNG DẪN SỐ 03-HD/UBKTTW, NGÀY 03/11/2022 CỦA UBKT TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 453-BC/HU, ngày 14/4/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Nội dung thực hiện	Số lượng	Nội dung vi phạm chủ yếu (đối với đảng viên vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật)	Ghi chú
1	I. Tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập			
	1.1. Số đảng viên có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập	700 lượt		Năm 2022, 2023, 2024
	1.2. Số bản kê khai tài sản, thu nhập được tiếp nhận, quản lý	790		
2	II. Xác minh tài sản, thu nhập; kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập			
	2.1. Số đảng viên được xác minh; kiểm tra giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập	29		
	2.2. Số có vi phạm, khuyết điểm	3	Có khuyết điểm, vi phạm nhưng chưa đến mức phải xem xét, thi hành kỷ luật	Không giải trình biết động đối với tài sản là nhà ở "tháo dỡ nhà cũ, xây nhà mới"; đưa vào kê khai không đúng quy định "tài sản đứng tên người thân"; tài sản đã bán nhưng vẫn đưa vào kê khai.
	2.3. Số có vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật			
	2.4. Số đã thi hành kỷ luật:			
	2.4.1. Khiển trách			
	2.4.2. Cảnh cáo			
	2.4.3. Cách chức			
	2.4.4. Khai trừ			